

KINH TẾ - XÃ HỘI**TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP KHU VỰC MẬU DỊCH TỰ DO CHÂU MỸ (FTAA)**

Lê Thị Thu
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Tác động của Khu vực Mậu dịch Tự do Châu Mỹ (FTAA) được thể hiện rõ nét nhất qua các lợi ích, cơ hội cũng như khó khăn, thách thức mà tổ chức này nếu được thành lập sẽ mang lại.

Không giống với Tổ chức thương mại thế giới, Khu vực Mậu dịch Tự do Châu Mỹ vẫn là một thực thể đang trong quá trình được thành lập. Nếu được thành lập thì FTAA sẽ là khu vực mậu dịch tự do lớn nhất thế giới với hơn 800 triệu dân và tổng sản phẩm quốc dân hàng năm là khoảng 13 nghìn tỷ đôla Mỹ. FTAA dự kiến sẽ là một hiệp định có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong lịch sử. Hiệp định thương mại này cho phép các công ty Mỹ, Canada và khu vực Mỹ Latinh tiếp cận với thị trường lớn hơn và những nền kinh tế có quy mô tương tự như các nhà cạnh tranh Châu Âu đã đạt được từ trao đổi thương mại trong Thị trường chung Châu Âu.

1. Tác động tích cực

Việc thành lập FTAA sẽ có nhiều tác động tích cực cho các nước châu Mỹ vì FTAA có tầm quan trọng chiến lược đối với 34 nước Tây bán cầu, đó là một bước ngoặt trong lịch sử lục địa này về sự phối hợp kinh tế và thương mại giữa các bên tham gia. Tại sao FTAA lại có vai trò quan trọng đến vậy? Trả lời cho câu hỏi này, Frank Esquivel cho rằng: "Việc đề xuất về

tự do thương mại, FTAA cho cộng đồng quốc tế thấy một cam kết duy trì liên tục của khu vực về tự do hoá thương mại. Nó khuyến khích tính quyết định trong các cải cách theo định hướng thị trường giữa các nước trong khu vực. Cuối cùng, nó thúc đẩy dân chủ, tạo điều kiện thuận lợi để chia sẻ thông tin và giải quyết tranh chấp trong các vấn đề thương mại" (Frank Esquivel, "Mỹ và Brazil: Triển vọng đối tác an ninh quốc gia", 2002). Chiến lược an ninh quốc gia của chính quyền Clinton nhấn mạnh thêm rằng hiệp định như vậy sẽ không đối lập với việc ủng hộ quyền công dân, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Tầm quan trọng của FTAA còn có thể được đánh giá bằng các cơ hội mà quá trình hội nhập này sẽ mang lại thông qua quá trình mở rộng các thị trường khu vực, hiện đại hoá cơ cấu sản xuất và thúc đẩy phát triển bền vững. Một khi được thông qua, FTAA sẽ hoạt động như động lực thúc đẩy đầu tư, cải cách, tính hiệu quả và tăng trưởng, phát triển trong khu vực Mỹ Latinh. Nó sẽ mở rộng các thị trường, thúc đẩy tự do thương mại, và tăng vai trò, vị thế của tất cả các bên tham gia ký kết. Các nguyên tắc thương mại mới của FTAA sẽ làm tăng cường quy tắc luật, cải cách kinh tế bền vững khắp Tây bán cầu, và tăng cường quy tắc dân chủ thống nhất các nước FTAA.

FTAA cũng sẽ giúp giảm nhẹ tác động lan tràn của các cú sốc phát sinh từ chu kỳ kinh tế và thay đổi về chính trị của mỗi nước. Các quốc gia sẽ hình thành nên các quan hệ gần gũi khi nền kinh tế của họ hội nhập hơn và độc lập hơn, có khả năng xoá bỏ được các căng thẳng về chính trị và hình thành nên giá trị dân chủ đồng bộ qua các biên giới.

Hơn nữa, theo Báo cáo Phát triển con người của Liên hiệp quốc năm 2002, các nước hội nhập nhiều hơn với nền kinh tế toàn cầu chính là các nước đạt được nhiều thành công nhất trong việc xoá đói nghèo. Hoàn thành một FTAA cũng sẽ tạo cơ hội đưa Châu Mỹ đạt tới sự tăng trưởng kinh tế ổn định, cải thiện mức sống ở tất cả các nước FTAA.

FTAA thúc đẩy tự do hoá trao đổi thương mại, đầu tư và tăng trưởng kinh tế ở Châu Mỹ

Tự do hoá thương mại có vai trò quan trọng để tạo dựng sự thịnh vượng ở Tây bán cầu. Hiện nay, nhiều rào cản về đầu tư và thương mại đang tiếp tục gây cản trở đối với kinh doanh khắp khu vực này. Sau khi hình thành, FTAA sẽ xoá bỏ các hàng rào thuế quan hiện tại và giúp tránh việc hình thành hàng rào thuế quan mới; xoá bỏ những hạn chế đối với việc trao đổi buôn bán hàng hoá, dịch vụ và đầu tư. Việc xoá bỏ các rào cản thông qua FTAA này có thể giúp các nước trong khu vực nhanh chóng trở thành các nền kinh tế cạnh tranh.

Quả thực việc giải quyết được các rào cản về thương mại và đầu tư giúp FTAA thúc đẩy trao đổi thương mại, đầu tư ở Châu Mỹ. Sau đây là một số phân tích cho thấy rõ khẳng định này.

Các hàng rào quan thuế cao chính là rào cản cơ bản đã, đang tiếp tục gây ảnh hưởng, khó khăn cho trao đổi thương mại. Các nhà sản xuất Mỹ đặc

biệt đối mặt với mức thuế rất cao đánh vào hàng xuất khẩu đến những nước không phải là thành viên của NAFTA. Và đây cũng là tình huống đối với nhiều nước Mỹ Latinh và Caribbean khác, những nước này phải trả mức thuế quan cao khi thâm nhập vào thị trường của nhau hay thâm nhập vào nhiều mảng thị trường vẫn còn bảo hộ cao ở Mỹ và Canada. Khi có FTAA, gần như tất cả các thuế quan này sẽ được xoá bỏ.

Thậm chí các nước láng giềng đã bắt đầu tháo gỡ các hàng rào thuế quan của nước khác thông qua các hiệp định thương mại tiểu khu vực hay song phương, trao đổi thương mại ở châu Mỹ tiếp tục phức tạp hơn và gây khó khăn cho các doanh nghiệp vừa. Lý do là việc phổ biến của "Nguyên tắc xuất xứ" trong các hiệp định thương mại tự do khác nhau. Các nguyên tắc xuất xứ quyết định sản phẩm nào trong một hiệp định thương mại tự do có đủ điều kiện được nhận các ưu tiên về thuế và các lợi ích khác từ hiệp định tự do thương mại. Nhưng các thoả thuận tự do thương mại khác nhau thì có các phương pháp và hình thức tính toán khác nhau với việc quyết định nguồn gốc, vì thế các doanh nhân phải tiếp tục đối mặt với một gánh nặng khi cố gắng tiếp cận thương trường Tây bán cầu mở rộng. FTAA sẽ mang đến cơ hội để dung hoà tất cả các nguyên tắc xuất xứ từ các hiệp định song phương, tiểu khu vực, đó là NAFTA, MERCOSUR, các hiệp định tự do thương mại giữa Mỹ - Chile, hay Mexico - Bolivia, và một số hiệp định khác thành một loạt các nguyên tắc xuất xứ thống nhất, đồng bộ để có thể chỉ dẫn việc đưa ra các quyết định kinh doanh khắp châu Mỹ.

Tương tự, các doanh nghiệp khắp châu Mỹ vẫn phải đối mặt với một

loạt các biện pháp hạn chế thương mại và đầu tư - đó là các biện pháp phi thuế quan. Các biện pháp này bao gồm tiêu chuẩn về sản phẩm không nhất quán, chống chéo và yêu cầu điều chỉnh do các quốc gia đặt ra mà các công ty phải nhận biết và giải quyết nếu họ muốn thâm nhập thị trường của một nước. Các biện pháp đó cũng bao gồm chế độ khách hàng để duy trì hơn nữa việc buôn bán chứ không phải hạn chế vận chuyển và tiếp cận trong cạnh tranh với các hợp đồng chính phủ. FTAA là một cơ hội để khắc phục các hạn chế đó.

Hy vọng về khu vực mậu dịch tự do châu Mỹ được xem là một yêu cầu chính đáng cho các doanh nhân khắp Tây bán cầu. Họ nhận ra được rằng mục tiêu cuối cùng của FTAA đó là lưu chuyển hàng hoá và dịch vụ tự do khắp khu vực, làm cân đối chuyên môn hoá sản xuất và các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm; thành lập cơ chế giải quyết tranh chấp để giải quyết sự khác biệt giữa các nước thành viên, cùng với các tiêu chuẩn cao nhất về bảo vệ quyền đầu tư và sở hữu trí tuệ - báo trước một môi trường kinh doanh Tây bán cầu năng động, phát triển hơn nhiều. Họ tin tưởng rằng FTAA cùng với các chính sách kinh tế vĩ mô đúng đắn và cải cách tài chính cũng như quy định ổn định có thể giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cơ hội kinh doanh, tạo công ăn việc làm, và có thể mở rộng sự thịnh vượng giữa tất cả 34 nước tham gia.

Lợi ích đối với khu vực kinh tế tư nhân: Không thể phủ nhận rằng trong những năm vừa qua lĩnh vực tư nhân khắp khu vực này đã có lợi vì các rào cản với các nước láng giềng đã giảm xuống thông qua nhiều sáng kiến thương mại tiểu khu vực. Khẳng định này rất đúng với trường hợp NAFTA, kể từ năm 1994, thương mại giữa Mỹ,

Mexico, Canada đã tăng hơn hai lần. Đó cũng chính là trường hợp MERCOSUR, trao đổi thương mại của tiểu khu vực này tăng mạnh trong thập kỷ qua (trước cuộc khủng hoảng tài chính). Người tiêu dùng và công ty địa phương khắp Châu Mỹ là những người cơ bản đã có lợi từ làn sóng tư nhân hoá của các ngành quốc doanh nhằm thích ứng với tự do hoá thương mại trong những năm 1990 - trong các lĩnh vực xây dựng đường sá, viễn thông, và cơ sở hạ tầng quan trọng khác. Xem xét tương lai, Bộ Ngoại giao Chile dự đoán rằng Hiệp định Thương mại Tự do Mỹ - Chile sẽ là nền tảng để hoàn thiện FTAA - sẽ tăng xuất khẩu của Chile tới Mỹ lên 18% trong thời gian trung hạn. FTAA thậm chí có thể mang lại nhiều lợi ích hơn. Các nền kinh tế mới về quy mô sẽ được hình thành, đầu tư bên trong và bên ngoài sẽ được tăng lên, sản xuất sẽ được thúc đẩy.

Lợi ích cho các công ty nhỏ: Hầu hết các cơ sở xuất khẩu đều là các công ty quy mô vừa và nhỏ, và các công ty đó có lợi ích lớn từ FTAA. Ở Mỹ, 91% trong số 52.000 công ty bán hàng ở Trung và Nam Mỹ là các công ty vừa và nhỏ. Một nghiên cứu năm 1999 của Ban Quản trị Doanh nghiệp nhỏ Mỹ cho thấy số các công ty nhỏ của Mỹ (có dưới 500 công nhân) có lượng xuất khẩu tăng gấp 3 từ năm 1987 đến 1997. Bằng việc tạo điều kiện thuận lợi cho mua bán hàng hoá và dịch vụ với bất kỳ nước nào ở châu Mỹ, FTAA có tiềm năng lớn để mở rộng buôn bán đối với cả các nhà xuất khẩu quy mô nhỏ và các công ty mới thành lập khắp khu vực này. Chẳng hạn như trong ngành công nghiệp mỹ phẩm của Brazil, 95% các công ty có quy mô nhỏ hay vừa, dự đoán chiếm 20% đến 25% tăng trưởng trong xuất khẩu trong năm năm tới.

Hiệp hội các nhà sản xuất quốc gia ước tính rằng FTAA có thể làm tăng gấp 3 lần xuất khẩu hàng hoá chế biến của Mỹ tới Trung và Nam Mỹ trong vòng 10 năm thực hiện. Khi khu vực này vẫn tiếp tục việc sử dụng tiến trình FTAA để hướng tới một tương lai có thể mang lại sự phát triển và cơ hội lớn hơn trên một nền tảng ổn định thì chắc chắn là các công ty vừa và nhỏ sẽ ngày càng phát triển mở rộng hơn.

FTAA có vai trò quan trọng với các nước đang phát triển ở khu vực Mỹ Latinh và Caribbean (LAC): FTAA sẽ là một giải pháp tốt đối với các nước này như một phần bổ sung và thành phần không thể thiếu của chiến lược phát triển kinh tế toàn diện. Sở dĩ như vậy là do:

Trước hết, FTAA sẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế qua việc khuyến khích cạnh tranh ở các thị trường nội địa, đẩy lùi lạm phát, và thúc đẩy đầu tư từ cả nguồn trong nước và nước ngoài. Hơn nữa, cải cách để thực thi những nghĩa vụ đặt ra từ FTAA sẽ thúc đẩy tính minh bạch của chính sách công và đóng góp cho nỗ lực chống tham nhũng. Cùng với các cải cách kinh tế sâu rộng trong nước, FTAA sẽ làm gia tăng đầu tư và trao đổi buôn bán khi nhiều rào cản thương mại được tháo gỡ, chuẩn mực hoá các thủ tục hải quan và các hoạt động thương mại quốc gia khác, và tạo ra một khuôn khổ để kiểm soát quan hệ thương mại giữa các nước đối tác. Đa số các lợi ích này xuất phát từ việc tháo gỡ rào cản với hoạt động kinh tế ở mỗi nước, nhưng các nước này cũng sẽ có lợi từ việc có thể buôn bán và đầu tư trong thị trường khu vực rộng mở. Khi đó, các doanh nghiệp có thể giảm được chi phí của mình và tăng hiệu suất thông qua giảm chi phí sản xuất và chuyên môn hoá nội ngành.

Để duy trì hậu thuẫn về chính trị cho cải cách FTAA, các nước cũng sẽ theo đuổi các chương trình trong nước để giúp đào tạo lại công nhân và trang bị lại công ty để có cơ hội mở rộng các thị trường mới.

Thứ hai, FTAA sẽ cung cấp một "hợp đồng bảo hiểm" (insurance policy) chống lại chủ nghĩa bảo hộ trong nước và ngoài nước. Tham gia vào FTAA cũng sẽ củng cố thêm các cải cách kinh tế trong nước, khiến các nước này trở nên hấp dẫn hơn với các nhà đầu tư nước ngoài. FTAA sẽ là nhân tố quan trọng nhất trong việc thu hút đầu tư vì khi đưa ra các ưu tiên đầu tư của mình, các nhà đầu tư sẽ vẫn để ý trước hết đến điều kiện kinh tế vĩ mô.

Thứ ba, FTAA cùng với các hiệp định hội nhập tiểu khu vực và những cải cách điều chỉnh trong nước sẽ khiến các dự án về cơ sở hạ tầng khu vực trở nên khả thi hơn và vì thế tăng cường mối liên kết kinh tế giữa các nước đối tác, thực ra thì kể từ Hội nghị Thượng đỉnh Miami, hội nhập thực chất của các nước Mỹ Latinh đã được thúc đẩy bởi việc xây dựng các đường ống dẫn khí, nối liền các đường dây điện, mở đường và hệ thống đường sắt.

Thứ tư, FTAA sẽ làm tăng sự thịnh vượng kinh tế và ổn định chính trị của các thành viên khác. Điều này đặc biệt quan trọng vì các vấn đề ở mỗi nước thường sẽ có ảnh hưởng lan tràn sang những nước lân cận và các đối tác thương mại. Chẳng hạn như, việc duy trì tính tổng thể của Mercosur đã thúc đẩy các lãnh đạo của Argentina, Brazil, và Uruguay hành động quả quyết trong việc phản đối hành động tào bạo ở Paraguay năm 1996.

Như vậy, lợi ích chính của Hiệp định FTAA là sẽ đem lại một sự phát triển mạnh trong trao đổi thương mại và đầu tư. Ngoài ra, FTAA còn là công

cụ để đạt được mối quan hệ gần gũi hơn về chính trị, văn hoá, an ninh, môi trường giữa các nước trong khu vực. FTAA cũng làm giảm sự phân biệt đối xử hiện đang tồn tại giữa các nước Tây bán cầu: *"Hấp dẫn lớn nhất của FTAA là nó sẽ thay thế gần 30 hiệp định hợp tác kinh tế tiểu khu vực trong vùng Tây bán cầu và vì thế sẽ làm giảm nhanh chóng sự phân biệt đối xử rộng khắp đang tồn tại"*. Việc thành lập FTAA rất cần thiết đối với các nước Mỹ Latinh còn bởi đó là một phương thức hữu hiệu để họ đối phó với sự cạnh tranh ngày càng lớn của các nước ngoài khu vực, đặc biệt là Trung Quốc, Nhật Bản. Như Bộ trưởng Kinh tế Brazil nói: "Giờ đây chúng ta không phải là nạn nhân duy nhất trên thế giới, cần phải xem xét làn sóng hàng hoá của Trung Quốc như một động lực để thúc đẩy cuộc thương lượng tiến tới thành lập khu vực tự do thương mại" (Thông tấn xã Việt Nam: Tin Kinh tế Quốc tế, số 6 - 2004). Nếu được thành lập, FTAA sẽ cho phép các nước Mỹ Latinh được ưu tiên tiếp cận vào thị trường Mỹ và như vậy họ có thể thu hẹp được tình trạng thất thế hiện nay so với các công ty Trung Quốc. Hiệp định này cũng sẽ cho phép các công ty Mỹ Latinh mở rộng dây chuyền sản xuất cho một thị trường gồm 34 nước này và điều đó sẽ giúp họ giảm được giá thành sản phẩm. Đồng thời Hiệp định tự do hoá toàn châu lục cũng sẽ giúp họ tạo ra các cú hích kinh tế và một hành lang pháp lý để tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài vào Mỹ Latinh.

2. Tác động tiêu cực

Như trên đã phân tích, nếu được thành lập FTAA sẽ mang lại rất nhiều lợi ích cho các nước Tây bán cầu, nhưng đồng thời nó cũng thể hiện nhiều điểm hạn chế, có các tác động tiêu cực nhất

định, đặc biệt là đối với các nước yếu thế trong khu vực Mỹ Latinh. Hơn nữa, việc ký một thoả thuận thương mại không tự động tạo ra sự thịnh vượng về kinh tế, bởi vì: *trước hết*, giống như tất cả các thoả thuận thương mại khác, FTAA sẽ chỉ tạo ra các cơ hội chứ nó sẽ không đảm bảo việc buôn bán, để thúc đẩy tăng trưởng ổn định và tận dụng tất cả các cơ hội này thì phải có chính sách kinh tế vĩ mô đúng đắn; *thứ hai*, FTAA không thể giúp các ngành công nghiệp ngăn ngừa hành động chống phá giá. Giống như tất cả các hiệp định thương mại khác, có thể chiếu theo các quy tắc thương mại đa phương trong lĩnh vực này (và các quy tắc WTO cho phép các quan chức thương mại tự quyết định lấy việc áp dụng các luật trong nước), nhưng cũng có ngoại lệ đáng chú ý trong số các hiệp định thương mại Tây bán cầu, chẳng hạn như FTA giữa Canada và Chile cơ bản cấm các hành động chống phá giá với các sản phẩm ngay khi thuế quan song phương bị tháo bỏ. Tuy nhiên, hình thức tiếp cận này đòi hỏi phải có một sự hài hoà giữa các luật chống phá giá, các quy định, và các thủ tục hành chính.

Các cơ chế thương mại FTAA trực tiếp tác động đến cuộc sống của người lao động, cộng đồng và môi trường. Hãy xem xét các quy tắc của FTAA có tác động đến các vấn đề cơ bản như phúc lợi xã hội, an ninh môi trường, an ninh lương thực và an ninh kinh tế, an ninh văn hoá và an ninh chung như thế nào.

a) Phúc lợi xã hội: FTAA có thể tác động xấu tới hệ thống phúc lợi xã hội Tây bán cầu

Có ít bằng chứng cho thấy các quy tắc FTAA được đưa ra nhằm cung cấp điều kiện cho phúc lợi xã hội. Nói chung, các chính phủ thường chịu trách nhiệm về việc cung cấp hệ thống phúc lợi xã hội thông qua các chương

trình y tế, giáo dục và trợ giúp xã hội. Ở một số nước, việc cung ứng nước, điện, bưu chính, chăm sóc trẻ em, và các dịch vụ vận tải được hiểu là một phần của hệ thống phúc lợi xã hội. Những cung ứng này giữa các nước có sự khác nhau, các chương trình điều chỉnh cơ cấu do Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) áp đặt đối với các chính phủ phía Nam (chính phủ những nước đang phát triển) kể từ những năm 1980 chắc chắn đã làm yếu đi các chương trình xã hội và dịch vụ cộng đồng dành cho người dân Châu Mỹ ngoài Canada và Mỹ. FTAA sẽ có thể làm tăng thêm sự xói mòn về phúc lợi xã hội này khắp vùng Tây bán cầu.

Đặc biệt, các nguyên tắc đề xuất trong FTAA với vấn đề thương mại dịch vụ xuyên biên giới đặt ra một đe dọa lớn cho phúc lợi xã hội. Kêu gọi "bao phủ toàn cầu trong tất cả khu vực dịch vụ" có nghĩa là các chương trình xã hội và dịch vụ công có thể trở thành mục tiêu của bãi bỏ quy định và tư nhân hoá, việc thông qua cơ chế GATs của FTAA có nghĩa vì lợi nhuận mà các tập đoàn giáo dục và y tế ở nước Mỹ sẽ có thể đòi quyền thành lập ở các nước khác, và đòi hỏi quyền tiếp cận với các "thị trường" dịch vụ công của họ. Tương tự, luật và chương trình trong nước để bảo vệ dịch vụ công này có thể bị thách thức bởi cơ chế điều chỉnh nội địa của GATs.

Hiện mọi vấn đề trong FTAA vẫn còn đang trên bàn đàm phán. Dự thảo FTAA sẽ mở rộng quy chế "Đối xử quốc gia" tới lĩnh vực trợ cấp, có nghĩa là các chính phủ không còn bao cấp trường học và bệnh viện công. FTAA bao gồm các quy tắc về "điều chỉnh trong nước" sẽ được áp dụng trong mọi lĩnh vực. Cùng với quyền khởi kiện chính phủ của các tập đoàn dịch vụ (những chính phủ không tuân theo các quy tắc mới

này) phạm vi hoạt động này được thiết lập cho sự tấn công toàn lực với hệ thống phúc lợi xã hội. Với các quy tắc đề xuất mới này, các công ty dịch vụ giáo dục, y tế vì lợi nhuận của nước ngoài và các công ty dịch vụ xã hội khác sẽ có quyền thiết lập một "sự hiện diện thương mại" ở bất cứ đâu trên Tây bán cầu. Họ sẽ có quyền cạnh tranh với các tổ chức công như bệnh viện, trường học và nhà trẻ. Các tiêu chuẩn y tế, giáo dục, chăm sóc trẻ em sẽ là chủ đề cho các quy tắc thương mại và suy xét để đảm bảo chúng không phải là một trở ngại với thương mại.

b) An ninh môi trường

Như thoả thuận hiện nay, dự thảo FTAA không có các điều khoản hay đảm bảo cho an ninh môi trường. Năm 1994, nhiệm vụ ban đầu đối với các cuộc đàm phán FTAA bao gồm một hứa hẹn "đảm bảo phát triển bền vững trong khi vẫn bảo vệ được môi trường". Hai năm sau đó, một hội nghị thượng đỉnh quan trọng về phát triển bền vững được tổ chức ở Bolivia, hội nghị đã đạt tới được 65 sáng kiến được biết đến như Kế hoạch hành động Santa Cruz. Mặc dù các nhóm môi trường đã vắng mặt đáng kể từ hội nghị thượng đỉnh Bolivia, nhưng Kế hoạch Santa Cruz kêu gọi hình thành một cơ quan mới, Uỷ ban liên Châu Mỹ về phát triển bền vững OAS (Tổ chức các nước Châu Mỹ). Đến hội nghị thượng đỉnh Châu Mỹ Santiago 1998, mục tiêu và chương trình cho sự phát triển bền vững đã được đưa ra từ nhiệm vụ đàm phán mới của FTAA.

Kết quả là, có nhiều phân trong dự thảo FTAA đã có nhiều gợi ý quan trọng về vấn đề môi trường, có hẳn một điều khoản trong "Chương đầu tư" kêu gọi các nước thành viên "nỗ lực đảm bảo" rằng không làm giảm các tiêu chuẩn môi trường để thu hút đầu tư. Tuy nhiên, trên thực tế điều

khoản này không có nhiều ý nghĩa. Hơn nữa, dự thảo FTAA đã không tính đến chi phí về môi trường đi liền với nhiều mục tiêu của hiệp định nhằm làm tăng sản lượng và xuất khẩu các sản phẩm gỗ, khoáng sản, năng lượng và cá. Thực tế, bản dự thảo FTAA đã ngăn cản các chính phủ sử dụng những công cụ chính sách như thuế xuất khẩu với mục đích bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Như thế, FTAA cũng sẽ đặt ra đe dọa lớn tới khả năng bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên của các quốc gia - dân tộc hay duy trì các quy định và tiêu chuẩn bảo vệ môi trường và sức khoẻ công dân nước họ. Các công cụ để bảo vệ quy định và tiêu chuẩn của chính phủ hiện bị kiểm chế bởi các điều khoản về kiểm dịch động vật (SPS) và hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) trong hiệp định này. Tuy nhiên, đe dọa lớn nhất với môi trường lại xuất phát từ sự mở rộng các quy tắc về đầu tư của chương 11 trong NAFTA tới FTAA. Các nước sống trong cơ chế NAFTA đã bị tác động bởi nguyên tắc nhà đầu tư-quốc gia của NAFTA. Điều cốt yếu là với các quy định về đầu tư trong FTAA, tất cả các chính phủ đều phải chuẩn bị trả giá đắt để bảo vệ hệ sinh thái học, các quan ngại về sức khoẻ con người và động vật trong khuôn khổ nhiệm vụ của họ.

c) An ninh lương thực

Các quy tắc được phác thảo của FTAA bị chỉ trích là không có mục đích tăng cường an ninh lương thực cho người dân ở các nước thành viên. Quy tắc trong lĩnh vực nông nghiệp trong các cơ chế thương mại này không cải thiện mấy được công tác xóa đói nghèo, an ninh lương thực của một nước hay tăng phương kế sinh nhai của người nông dân nghèo. Ngược lại, các quy tắc này có ý nghĩa

phục vụ lợi ích của kinh doanh nông sản. Trong hệ thống lương thực toàn cầu, nông nghiệp đã được thay thế bằng một hệ thống kinh doanh nông sản (các công ty kinh doanh nông sản xuyên quốc gia chế biến nông sản vì lợi nhuận trong khi an toàn lương thực và quyền của các gia đình nông dân bị đe dọa).

Vì Hiệp định của WTO về nông nghiệp - hiệp định này được đưa vào kết hợp trong hiệp định FTAA - chủ yếu được phác thảo để tăng cường sản xuất cây trồng xuất khẩu, nên nhiều vùng đất sản xuất lương thực có giá trị ở các nước Mỹ Latinh sẽ được dùng cho việc sản xuất định hướng xuất khẩu hơn là sản xuất lương thực để phục vụ nhu cầu của người dân. Chẳng hạn như trường hợp Argentina, hiện nước này sử dụng hầu hết diện tích đất nông nghiệp để sản xuất các sản phẩm xuất khẩu. "Hiện nay, Argentina là nước xuất khẩu dầu hướng dương, dầu đậu nành, bột mì, táo, lê lớn nhất thế giới; là nước xuất khẩu lớn thứ hai thế giới về các sản phẩm ngũ cốc, bún miến, mật ong; là nhà xuất khẩu thứ tư thế giới về thịt, bông và rượu; và xuất khẩu lớn thứ năm thế giới về lúa mì" [60, trang 21]. Kết quả là, an ninh lương thực và đói nghèo đã phát triển mạnh ở chính nước sản xuất nông nghiệp này.

Qua việc cấm hạn chế xuất và nhập khẩu với các sản phẩm lương thực, chỉ có các công ty kinh doanh nông sản mới có thể tiếp tục tồn tại vì được bảo vệ bởi quy chế "Đôi xử quốc gia" và "Tối huệ quốc". Nếu không đảm bảo cải cách ruộng đất, những nông dân ở nông thôn sẽ buộc phải di cư đến các thành phố đông đúc - nơi đó tình trạng thất nghiệp tràn lan đã quá quen thuộc. Chẳng hạn như các nguyên tắc nông nghiệp tương tự đã được thông qua trong NAFTA, ước

tính có đến 15 triệu người (nông dân và các thành viên trong gia đình họ) đã bị gạt khỏi phương kế sinh nhai của mình. Nếu như các nguyên tắc này có hiệu lực, người nông dân sẽ không thể thương lượng được giá sản phẩm với người mua trong nước và nước ngoài. Không kiểm soát hay điều chỉnh được giá cả nội địa để bảo vệ nông dân địa phương, họ bị bỏ mặc cho sự định đoạt của giá cả quốc tế. Hơn nữa, các nước sẽ không còn có thể duy trì được các kho dự trữ lương thực khẩn cấp để bù đắp cho những vụ mùa thất thu, thay vì đó họ phải mua cái họ cần ở thị trường mở. Khi thông qua các tiêu chuẩn về kỹ thuật (quy tắc SPS và TBT) của hiệp định của WTO về nông nghiệp, FTAA cũng sẽ có thể tước đi quyền của người nông dân trước đây và đánh giá thấp luật về an toàn lương thực. Và như vậy là không đảm bảo được an ninh lương thực trong những thời điểm cần thiết.

d) An ninh kinh tế

Có nhiều quan điểm cho rằng bản thân các quy tắc của FTAA không được phác thảo cơ bản để đảm bảo an ninh về kinh tế cho người lao động và cộng đồng. Ngược lại, tự do hoá thương mại và đầu tư cho phép các công ty xuyên quốc gia chuyển trung tâm sản xuất, vốn, và sản phẩm của họ từ nước này sang nước khác, không bị giới hạn bởi sự can thiệp và điều chỉnh của chính phủ, nhằm nắm được lợi thế của các điều kiện lao động rẻ. Trong khi các quy tắc về đầu tư của FTAA thiết lập và đảm bảo "quyền" của các doanh nghiệp, không có điều khoản lao động nào đảm bảo hay bảo vệ quyền của người lao động. Mặc dù tất cả các chính phủ được khuyến khích trong bản dự thảo không làm suy yếu các tiêu chuẩn lao động của mình nhằm thu hút đầu tư nước ngoài, nhưng cũng không có biện

pháp nào để ngăn chặn chính phủ ở những nước nghèo hơn hạ thấp các luật về mức lương tối thiểu của họ để đạt được mục đích này.

Thực tế kinh nghiệm của NAFTA ở Mexico, Canada và Mỹ cho thấy các cơ chế thương mại tự do làm yếu đi an ninh kinh tế của người dân như thế nào. Khi các công ty đặt cơ sở sản xuất của mình ở Mexico để tận dụng lợi thế của mức lương 5 đôla Mỹ mỗi ngày cho công nhân Mexico, Mỹ đã mất hơn một triệu việc làm trong ngành sản xuất. Tuy những công nhân Mỹ mất việc này thường tìm thấy các công việc mới, nhưng đó là những công việc bất ổn hơn và mức lương thấp hơn. Trong khi đó, nếu không có quyền lao động bắt buộc trong NAFTA, người công nhân Mexico đã không thể tổ chức hiệu quả để tăng mức lương của mình. Mặc cho hứa hẹn của NAFTA về gia tăng phát triển kinh tế khắp Mexico, nhưng chỉ có ít nhà máy dọc khu vực biên giới có được tăng trưởng đáng kể trong hoạt động công nghiệp, thậm chí ngay ở đó còn có hàng triệu công nhân Mexico buộc phải làm việc với mức lương tối thiểu thấp hơn cả trước khi thực hiện NAFTA. Kể từ khi thành lập NAFTA, ước tính có đến 8 triệu người Mexico đã từ tầng cấp trung lưu rơi vào tình trạng đói nghèo. Hơn nữa, không gì có thể ngăn chặn FTAA gây ra tình trạng bấp bênh về kinh tế. Như trên đã đề cập, được bảo vệ bởi các công cụ quyền lực của FTAA như "Quy chế tối huệ quốc" và "Đối xử quốc gia", các công ty có trụ sở ở Mỹ và Canada có thể chuyển đến các nước khác ở châu Mỹ, không chỉ có được lợi thế về nhân công rẻ mà còn tác động tiêu cực tới các ngành công nghiệp và doanh nghiệp địa phương khi họ đòi hỏi quy chế đối xử công bằng. Đối với nhiều nước đang phát triển, yêu cầu xoá bỏ

các hàng rào thuế quan có thể dẫn đến sự tràn ngập hàng tiêu dùng nhập khẩu, vì thế làm cho nền kinh tế của họ còn dễ bị tổn thương hơn. Và các điều kiện an ninh kinh tế có thể càng yếu đi do các chính phủ sẽ không còn khả năng hạn chế đầu tư vào hệ thống tiền tệ của họ bằng việc kiểm soát các dòng vốn chảy vào trong nước hay dòng vốn đưa ra bên ngoài.

e) An ninh văn hoá

Các thoả thuận về dịch vụ của cả WTO và FTAA có thể là mục tiêu chính sách của chính phủ khắp thế giới, các chính phủ nỗ lực bảo vệ ngành văn hoá trong nước và đề cao đa dạng văn hoá. Văn hoá được xem là một ngành trong cả GATs và thoả thuận dịch vụ của FTAA. Sở dĩ như vậy vì nước Mỹ coi văn hoá như một ngành kinh doanh lớn phải được đưa vào quy tắc của thị trường này. Trên thực tế, theo Báo cáo phát triển con người của Liên hiệp quốc gần đây, các sản phẩm được sản xuất hàng loạt của văn hoá phổ cập châu Mỹ hiện cấu thành nên ngành xuất khẩu lớn nhất từ nước Mỹ.

Mỹ muốn sử dụng giải pháp thương mại này để mở cửa các thị trường còn đóng với ngành giải trí. Một sự phối hợp lớn, được tổ chức tốt đã tạo nên mối liên kết giữa ngành giải trí, truyền thông và công nghệ thông tin của Mỹ với nhau trong một mặt trận chung để phản đối những biện pháp bảo vệ văn hoá ở các quốc gia khác.

Ở Mỹ Latinh, toàn cầu hoá đã khiến lớp thanh niên ở đây có nhu cầu với tất cả các hàng tiêu dùng và sản phẩm giải trí của cường quốc kinh tế chi phối trên thế giới. Những bộ phim từ Hollywood, âm nhạc, truyền hình, các loại sách đa dạng trên thị trường, các trò chơi điện tử đã đẩy mạnh một văn hoá đồng nhất khắp toàn cầu. Nhưng cũng có sự phản ứng dữ dội ở nhiều nơi trên thế giới, có

một quan điểm ngày càng tăng là văn hoá không giống các sản phẩm khác, như sắt thép hay các linh kiện máy tính. Thông qua các chương trình đầu tư, điều chỉnh về nội dung, và các cơ chế chính sách công khác, nhiều nước đang khuyến khích những người nghệ sĩ, nhà văn, và nhạc sĩ trong nước bảo vệ truyền thống văn hoá của mình. Ngày càng nhiều người coi văn hoá như di sản quý giá nhất mà nếu không có thì họ sẽ không có nguồn gốc hay tâm hồn. Đối với nhiều người thì giá trị văn hoá không phải là tiền; thế nên biến văn hoá thành hàng hoá có nghĩa là phá hoại văn hoá.

f) An ninh chung

Trong lịch sử, Mỹ đã luôn triển khai lực lượng quân sự ở Mỹ Latinh khi lợi ích tập thể và kinh tế của họ bị đe dọa. “Hiện nay, chế độ thương mại tân tự do như WTO và FTAA được phác thảo nhằm thúc đẩy và bảo vệ chủ nghĩa quân phiệt và cuộc chạy đua vũ trang toàn cầu. Gắn vào tất cả các chế độ thương mại hiện đại là cái gọi là điều khoản “miễn trừ an ninh”, cho phép bất cứ chính phủ nào tiến hành những hành động được cho là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh quốc gia của họ”. Theo cách diễn đạt chuẩn từ Điều khoản XXI của Hiệp định chung về thương mại và thuế quan, điều này bao gồm “buôn lậu vũ khí, đạn dược, tiến hành chiến tranh và buôn lậu các loại hàng hoá và nguyên liệu khác được xúc tiến trực tiếp vì mục đích cung cấp lực lượng quân sự cần có trong thời chiến hay trong tình trạng khẩn cấp khác trong quan hệ quốc tế”. Nói cách khác, điều khoản miễn trừ an ninh trong WTO và FTAA cung cấp cho các cường quốc quân sự như Mỹ tất cả các công cụ cần thiết để hỗ trợ ngành sản xuất vũ khí và xây dựng lực lượng quân sự ở Mỹ Latinh thông qua chính trao đổi thương mại.

Một minh chứng cơ bản cho việc xây dựng lực lượng quân đội do Mỹ đứng đầu ở Mỹ Latinh là Kế hoạch Colombia. Tại đây, Mỹ hỗ trợ quân sự cho Colombia để giúp chính phủ nước này trong cuộc chiến chống ma túy và cuộc chiến chống phong trào du kích cánh tả của họ trên đất nước này. Hỗ trợ quân sự của Mỹ bao gồm cả máy bay trực thăng quân sự mới và đào tạo lực lượng vũ trang Colombia. Tuy nhiên, đối với Mỹ, việc duy trì ưu tiên chiến lược chính là nhằm bảo vệ lợi ích của các tập đoàn dầu mỏ của họ ở Colombia. Đối với nhiều nước Mỹ Latinh, Kế hoạch Colombia thể hiện lo ngại của người dân về việc tái vũ trang trong khu vực này. Người dân ở đây mất nhiều thập kỷ đấu tranh để tống khứ lực lượng quân đội đã thống trị Mỹ Latinh trong suốt thế kỷ XX. Tuy nhiên, theo nhiều nhà phê bình, tất cả các xu hướng tái vũ trang này có thể được củng cố dưới tác động của FTAA. Việc sử dụng, buôn bán vũ khí để thúc đẩy và bảo vệ lợi ích hợp nhất không chỉ được hai cơ chế thương mại này đảm bảo, mà quyền để làm được việc đó cũng sẽ được mã hoá trong luật quốc tế. Hơn nữa bất cứ nỗ lực nào thách thức tới việc hỗ trợ cuộc chạy đua vũ trang hay xây dựng lực lượng quân sự ở Mỹ Latinh sẽ phải đối mặt với nhiều cơ chế thực thi bắt buộc của FTAA và các hình thức trừng phạt kinh tế.

Mặc dù cũng sẽ có nhiều tác động tiêu cực, nhưng với những tác động tích cực, cơ hội mà FTAA sẽ mang lại như trên đã đề cập khiến cho tổ chức này có vai trò rất quan trọng đối với các nước Tây bán cầu nói riêng và nền kinh tế thế giới nói chung. Những lợi ích to lớn và tầm quan trọng đó sẽ thuyết phục lãnh đạo các nước Tây bán cầu tham gia ký kết hiệp định.

Tuy nhiên, do việc thương lượng để hoàn tất hiệp định liên quan đến lợi ích của nhiều bên, nên các nước phải có sự điều chỉnh, loại bỏ những vướng mắc và bất đồng. Điều kiện tiên quyết để có được FTAA là việc sẵn lòng tham gia của tất cả các bên. Các nước đều biết rằng khi tham gia vào một khu vực mậu dịch tự do là phải tự do hoá kinh tế, việc ký kết bất cứ một FTA nào cũng cần có sự nhượng bộ của tất cả các bên. Đặc biệt, các đối tác kinh tế chính dẫn dắt tiến trình này (như Mỹ, Brazil) sẽ phải nhận thức được rằng cần phải nhượng bộ thực sự trong các lĩnh vực nhạy cảm thì hiệp định mới có tính khả thi về mặt chính trị đối với tất cả các bên tham gia ■

Tài liệu tham khảo:

1. Carla A. Hills, Jaime Iabludovsky (2004): *Free Trade in the Americas - Getting there from here*, Inter-American Dialogue.
2. Council of the Americas (2001): *FTAA: Blueprint for Prosperity*, Council of the Americas, Washington, D.C.
3. Daniel T. Grisworld (2003): *Free Trade Agreements - Steps toward further open world*, Cato Institute, No18, July 10/2003.
4. Diana Tussie (2003): *Trade Negotiation in Latin America: Problem and Prospects*, Palgrave MacMillan, United States.
5. Gustavo González (2005): *Sub-Region Integration a Challenge to FTAA*, January 2005.
6. Jeffrey J. Schott (2002): *Challenges to Free Trade Area of the Americas*, Institute for International Economics. Vol7. N°3 October 2002.
7. Liliana Rojas-Suare (2003): *Toward a sustainable FTAA: Does Latin America meet the necessary financial preconditions*, Institute for International Economics Nonresident Fellow, Center for Global Development.
8. Richard L. Bernal (1998): *The integration of small economies in the free trade area of the Americas*, Policy Paper on the Americas, Volumn IX Study, ICSIS Americas Program.
9. U.S. Department of State Electronic Journal (2002): *Economic Perspectives: The Free Trade Area of the Americas: Expanding Hemispheric Trade*, Volumn 7, Number 3. USA.